



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2022

Ngày 16 tháng 5 năm 2022

Nội dung

1 KẾT QUẢ KINH DOANH
QUÝ 1/2022

2 KẾ HOẠCH NĂM 2022



1 —————

KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2022



Sự kiện nổi bật Quý 1/2022



Là một trong 8 ngân hàng tham gia gói tài trợ tín dụng 35,000 tỷ đồng cho dự án Gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 của Công ty Thép Hòa Phát Dung Quất. Cuối tháng 4/2022 MSB đã phát hành thành công LC nhập khẩu giá trị lớn 32.72 triệu USD tương đương 755 tỷ đồng.



Ký hợp đồng tư vấn với McKinsey hỗ trợ dự án Sales Transformation và Tư vấn chiến lược Công nghệ thông tin EA (Enterprise Architecture design)

MPOWER CẤP TÍN CHẤP ONLINE



Đối tượng áp dụng: Doanh nghiệp thành lập tối thiểu 2 năm, doanh thu từ 16 tỷ đồng/năm

Hạn mức tín chấp online: đến 15 tỷ đồng

Lãi suất: chỉ từ 8%/năm

Tra cứu hạn mức dự kiến: trong 30 giây



Nhận danh hiệu “Ngân hàng chuyển đổi số tiêu biểu năm 2021” do IDG và Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam trao tặng, dựa trên những sản phẩm dịch vụ hiện đại, sáng tạo và nền tảng số hóa cao

Điểm nhấn kết quả kinh doanh Quý 1/2022

- Tỷ lệ CASA và tăng trưởng tín dụng tiếp tục nằm trong nhóm dẫn đầu ngành
- Chi phí được kiểm soát tốt cùng với đẩy mạnh thu nhập ở mảng kinh doanh cốt lõi khi nền kinh tế hồi phục giúp lợi nhuận trước thuế tăng khả quan
- Doanh thu từ kinh doanh ngoại hối tăng trưởng mạnh mẽ so với cùng kỳ năm 2021 với các sản phẩm ưu việt đưa MSB tăng thị phần trong hoạt động này
- Nợ xấu vẫn nằm trong mức kiểm soát, nợ tái cơ cấu có xu hướng giảm và chiếm tỷ trọng thấp trong tổng dư nợ
- CAR vững chắc tạo dư địa tăng trưởng tín dụng cao so với ngành

110.6 nghìn tỷ đồng

Cho vay khách hàng
(▲ 8.9% YTD)

2.4 nghìn tỷ đồng

Thu nhập hoạt động
(▲ 16.6% YoY)

38.3%

Tỷ lệ CASA
(2021: 35.8%)

108.8 nghìn tỷ đồng

Tổng huy động
(▲ 1.1% YTD)

1.5 nghìn tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế
(▲ 30.3% YoY)

1.29%

NPL¹
(2021: 1.15%)

9.17% YTD

Tăng trưởng tín dụng²
(1Q2021: 10.49%)

30.8%

CIR
(2021: 37.1%)

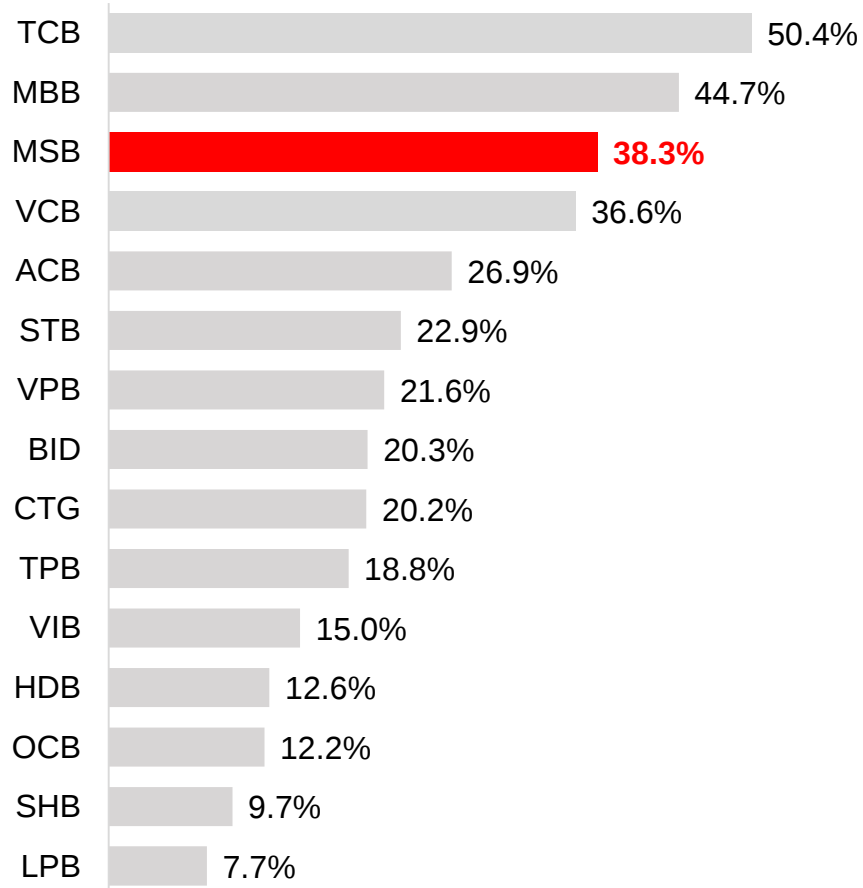
12.06%

CAR (Basel II)
(2021: 11.52%)

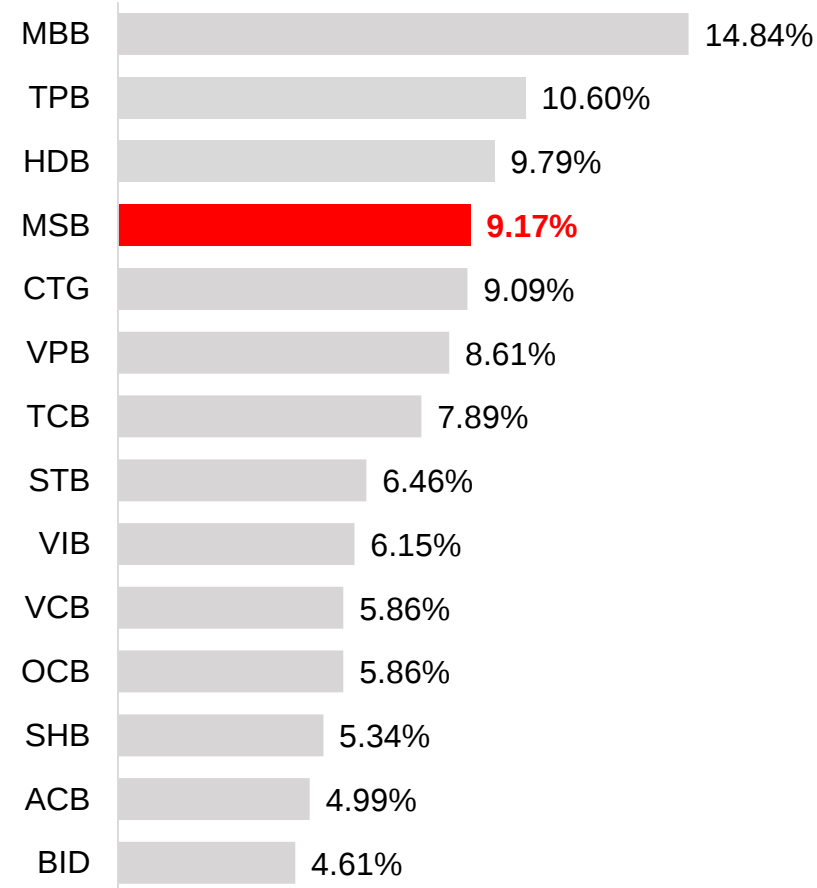
Ghi chú: 1: Số liệu riêng lẻ tính theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN;
2: Số liệu hợp nhất

Duy trì vị thế trong nhóm dẫn đầu ngành về thu hút CASA và tăng trưởng tín dụng

Tỷ lệ CASA Quý 1/2022



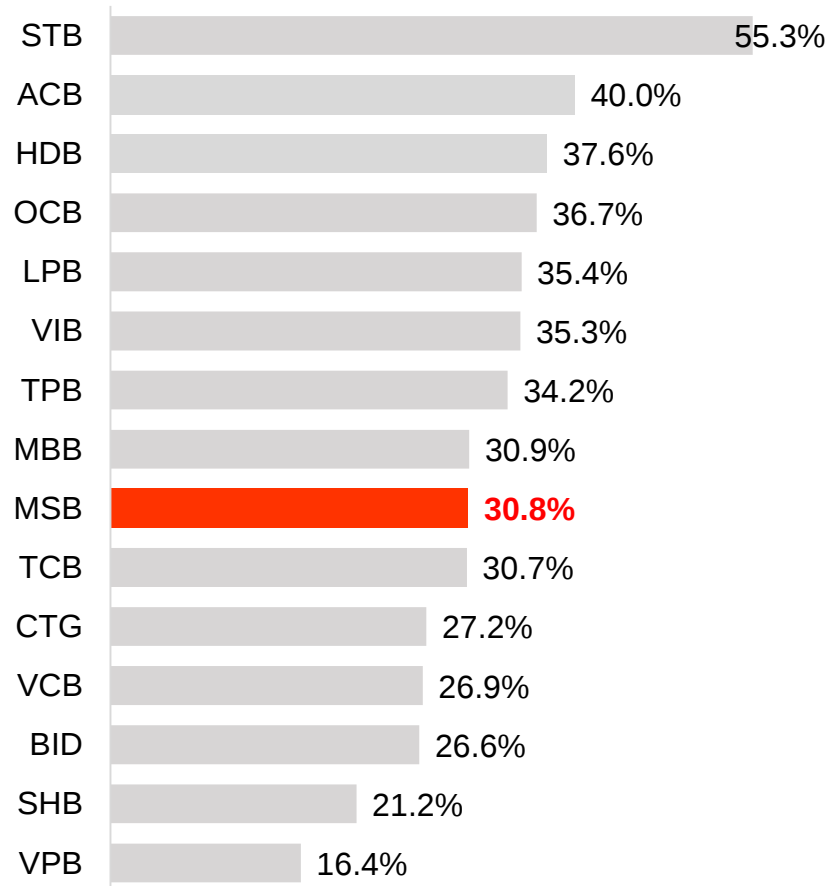
Tăng trưởng tín dụng¹ Quý 1/2022



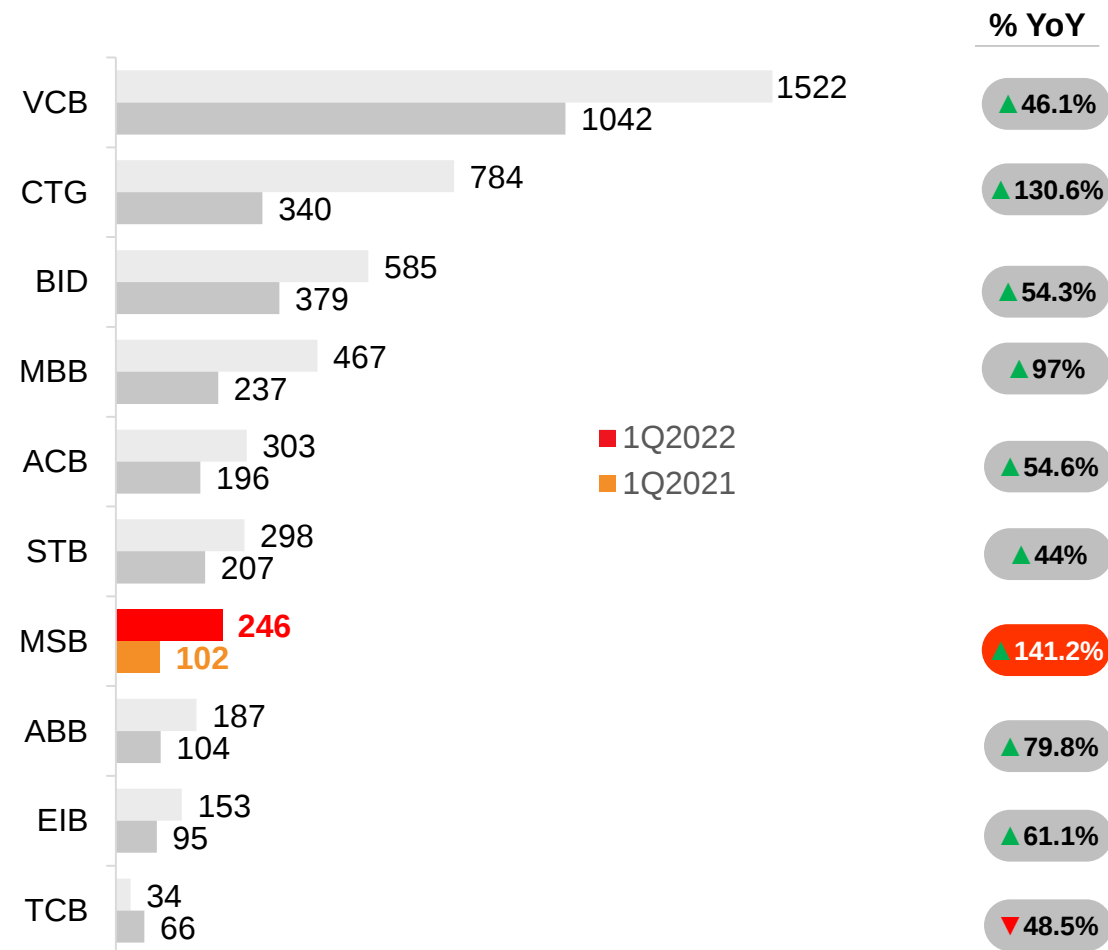
Ghi chú: So sánh với các ngân hàng niêm yết
1: Số liệu hợp nhất

CIR nằm trong top các NHTM tư nhân, tăng trưởng lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối cao nhất trong top 10

CIR Quý 1/2022



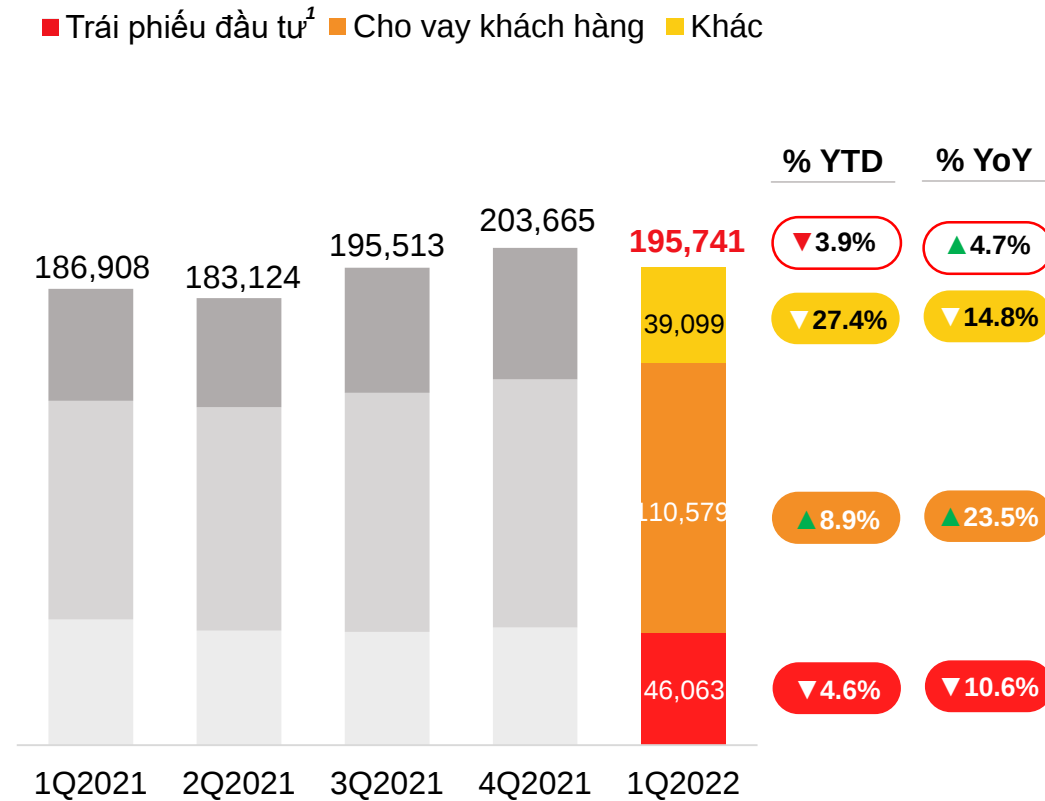
Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối Quý 1/2022



Ghi chú: So sánh với các ngân hàng niêm yết

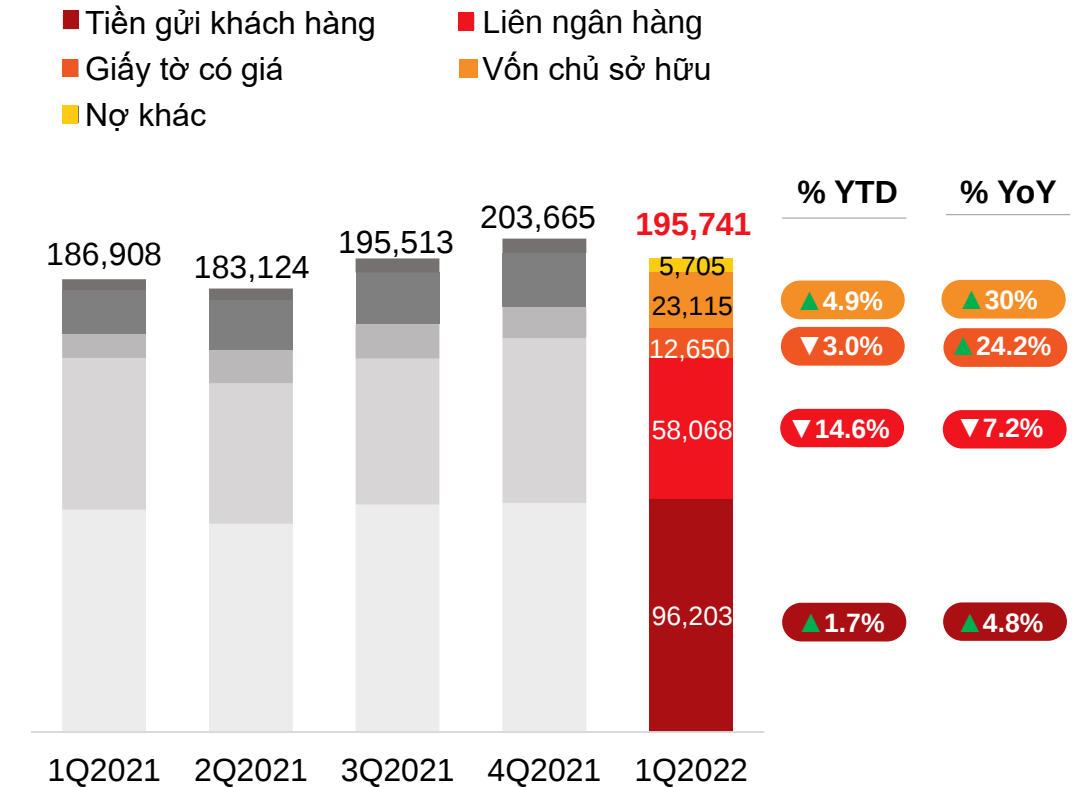
Cơ cấu tài sản tập trung tăng trưởng cho vay khách hàng và thu hẹp đầu tư trái phiếu, đa dạng hóa cơ cấu nguồn vốn thông qua nguồn huy động chi phí tối ưu

Tổng tài sản (Tỷ đồng)



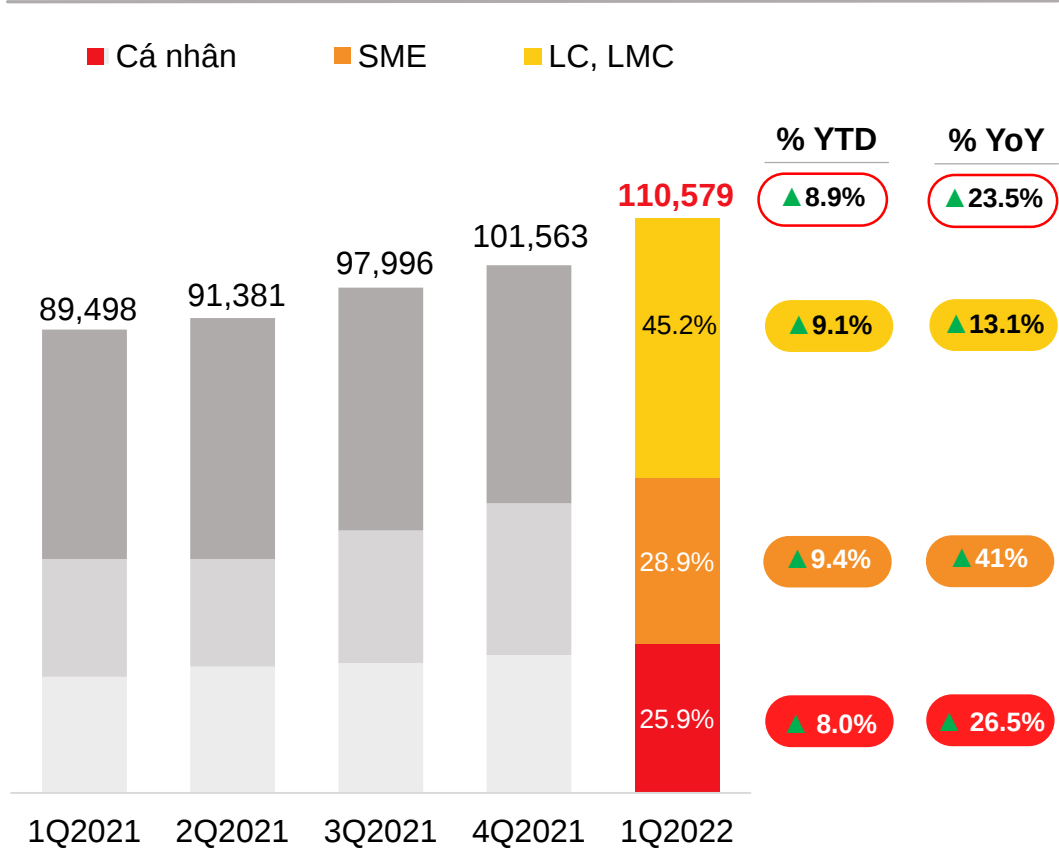
Ghi chú: 1: Trái phiếu đầu tư không bao gồm trái phiếu VAMC

Tổng Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu (Tỷ đồng)

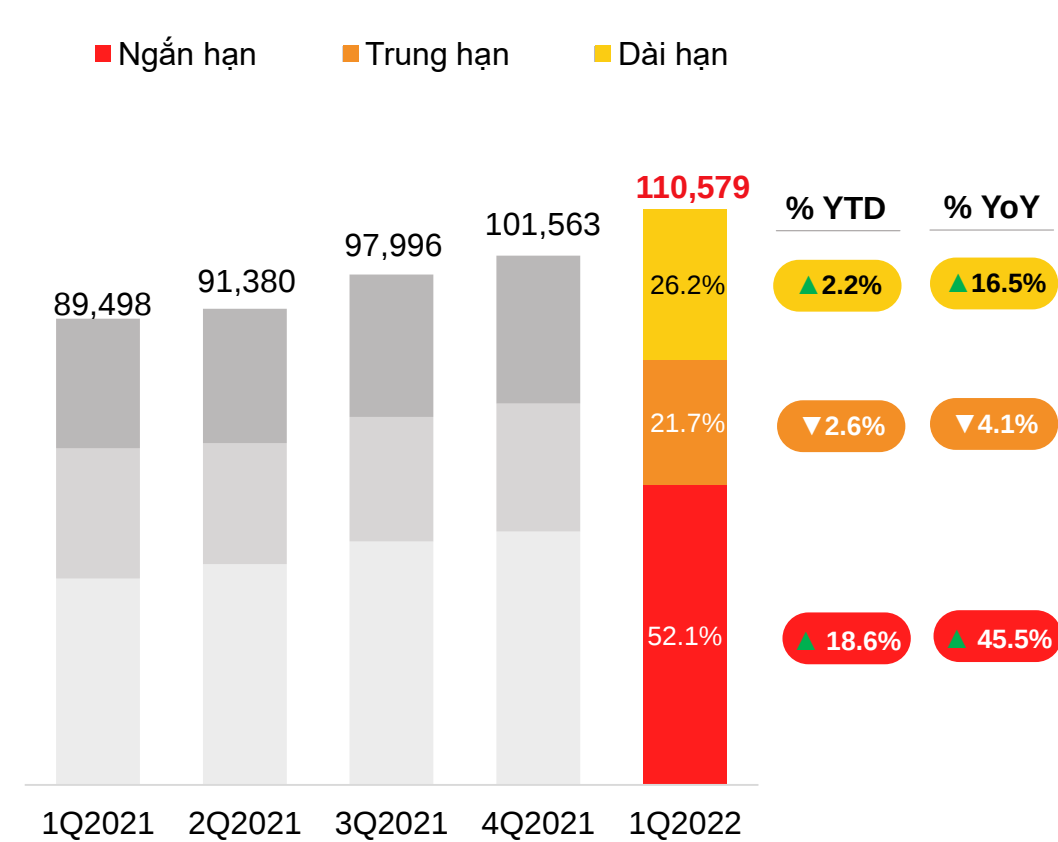


Nhu cầu vay hồi phục ở tất cả các phân khúc. Cho vay kỳ hạn ngắn hạn tăng trưởng mạnh

Cho vay khách hàng theo phân khúc (Tỷ đồng)

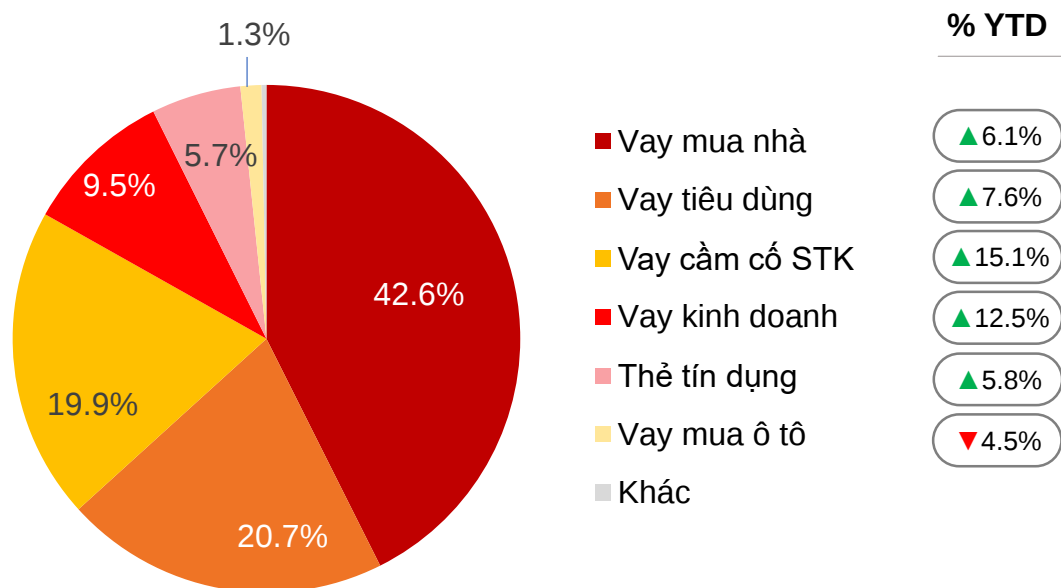


Cho vay khách hàng theo kỳ hạn (Tỷ đồng)

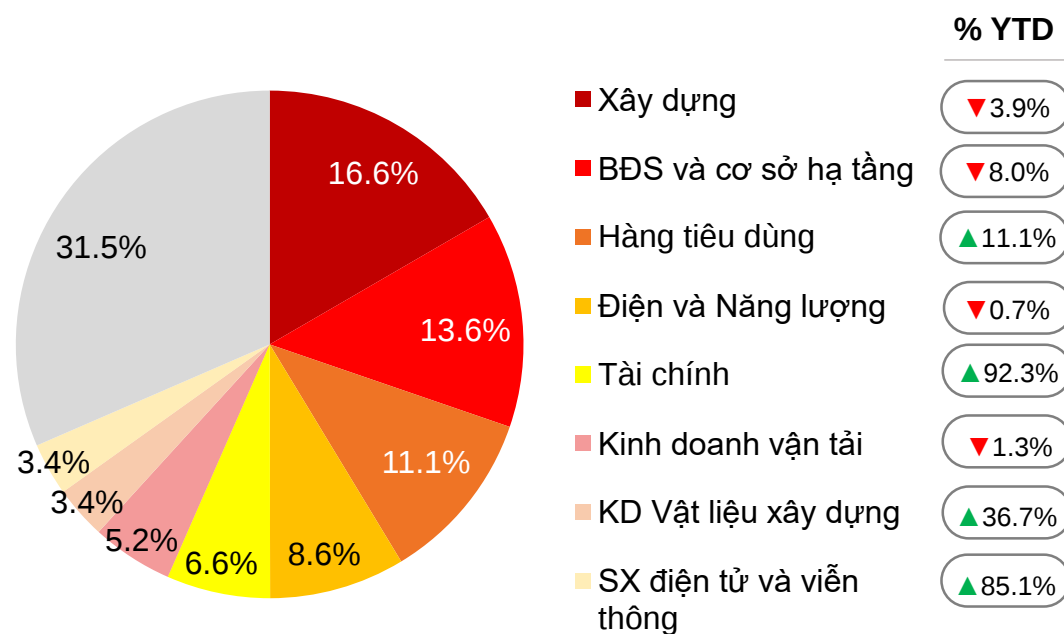


Đa dạng hóa danh mục cho vay KHDN, giảm tỷ trọng ngành bất động sản. Cho vay KHCN tăng ở hầu hết các sản phẩm cốt lõi

Cho vay KHCN theo sản phẩm Quý 1/2022

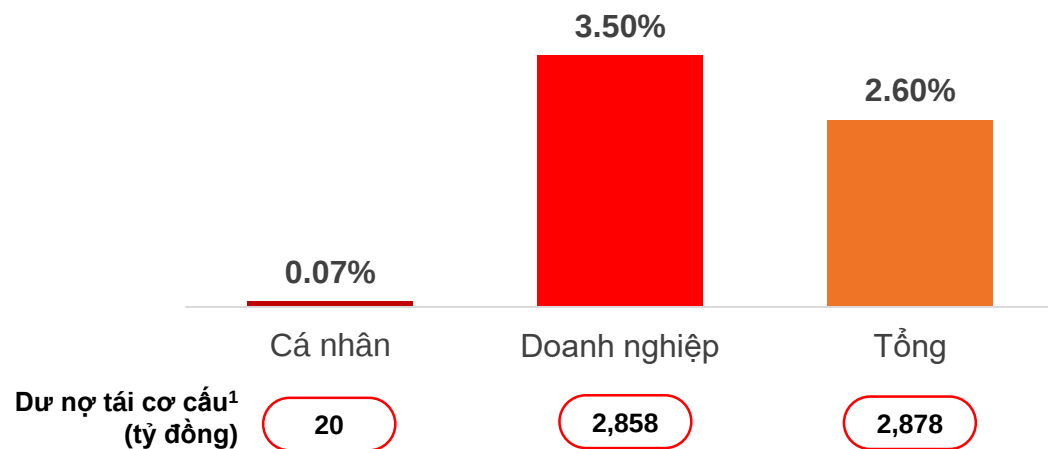


Cho vay KHDN theo lĩnh vực Quý 1/2022

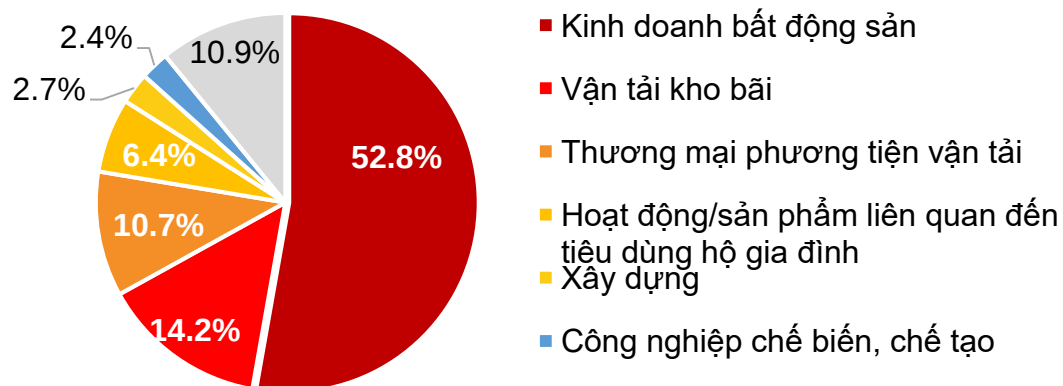


Dư nợ tái cơ cấu vẫn trong mức kiểm soát, trích lập dự phòng thận trọng

%Nợ tái cơ cấu/Tổng dư nợ cho vay tại 31/3/2022

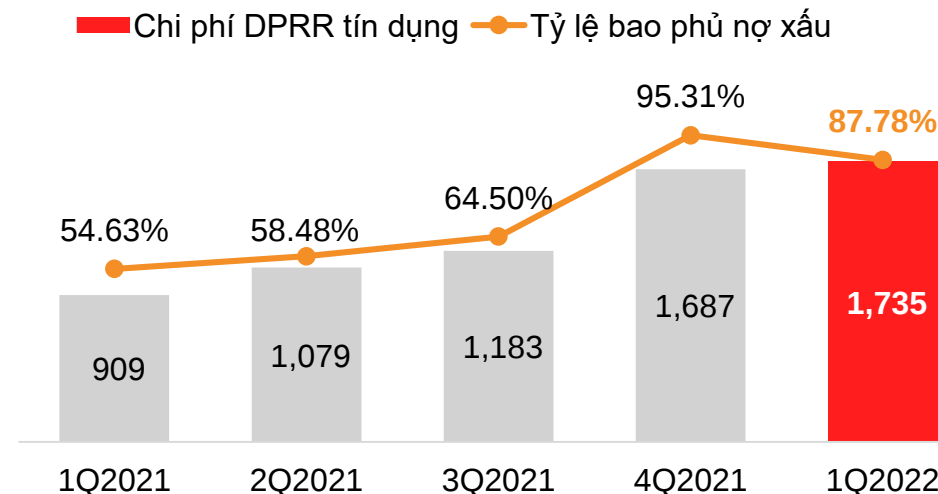


Dư nợ tái cơ cấu theo ngành nghề

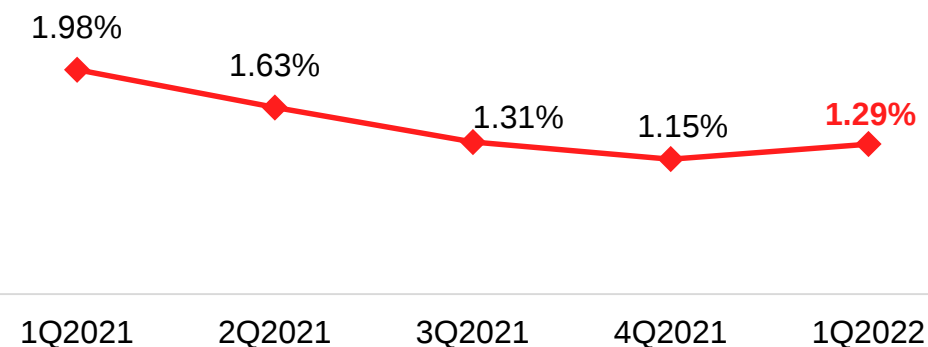


Ghi chú: 1: Dư nợ tái cơ cấu theo Thông tư 14/2021/TT-NHNN; 2: Bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể;
3: NPL năm 2017-2020 tính theo TT 02/2013/TT-NHNN, năm 2021 tính theo TT 11/2021/TT-NHNN

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng² (Tỷ đồng)

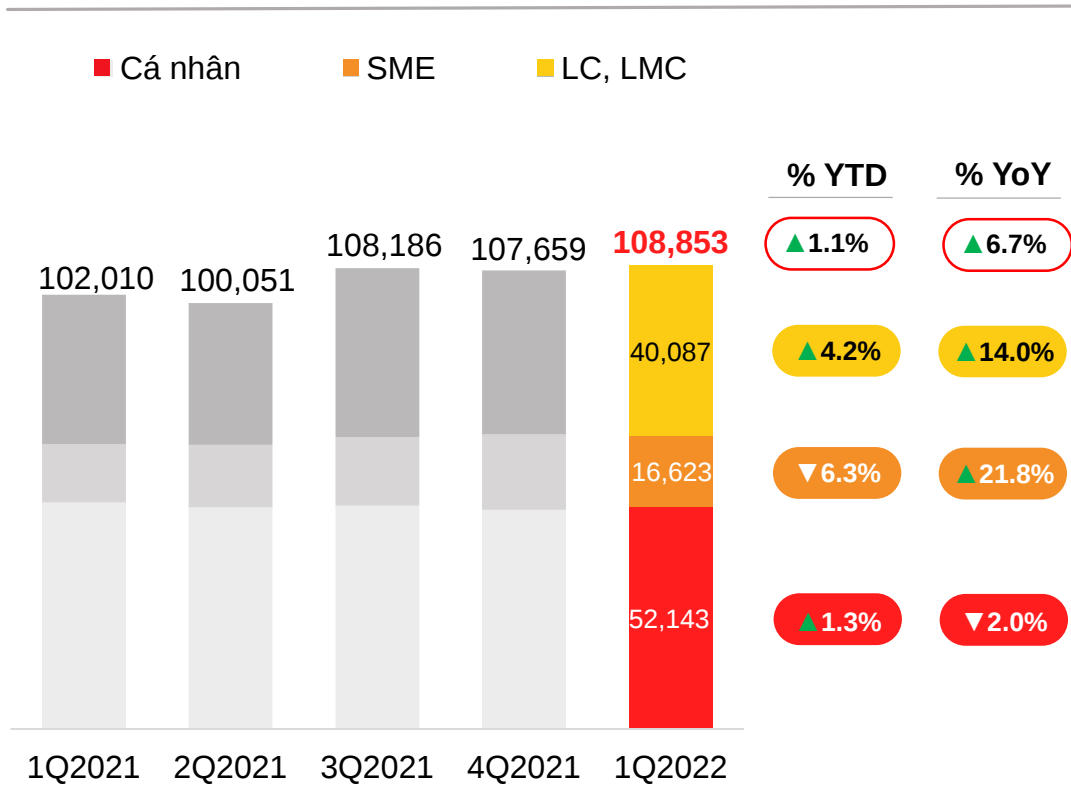


Tỷ lệ nợ xấu (%NPL)³



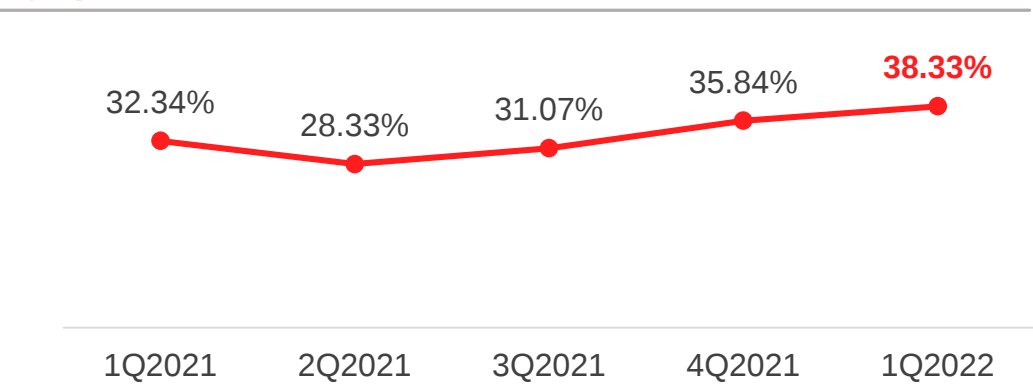
Khách hàng cá nhân và LC/LMC là động lực chủ đạo hỗ trợ nguồn vốn và thu hút CASA

Tổng tiền gửi theo phân khúc¹ (Tỷ đồng)

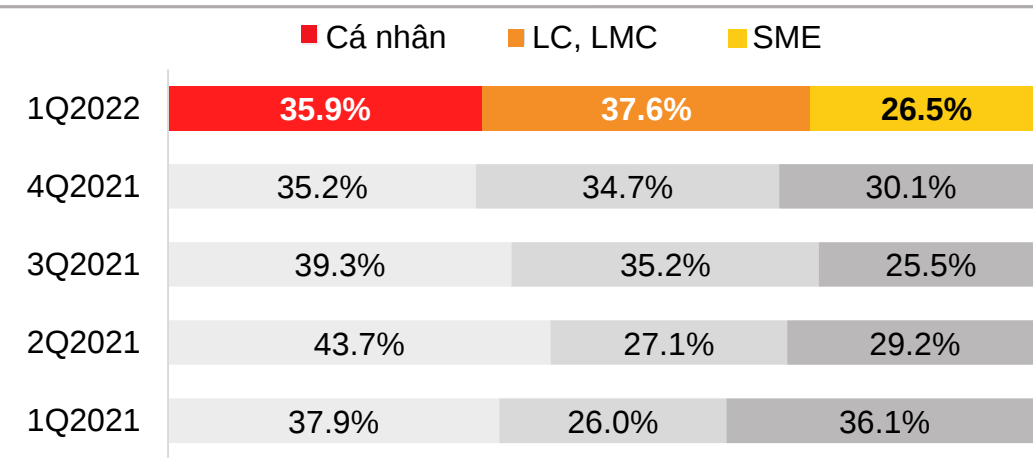


Ghi chú: 1: Bao gồm tiền gửi khách hàng và giấy tờ có giá

Tỷ lệ CASA

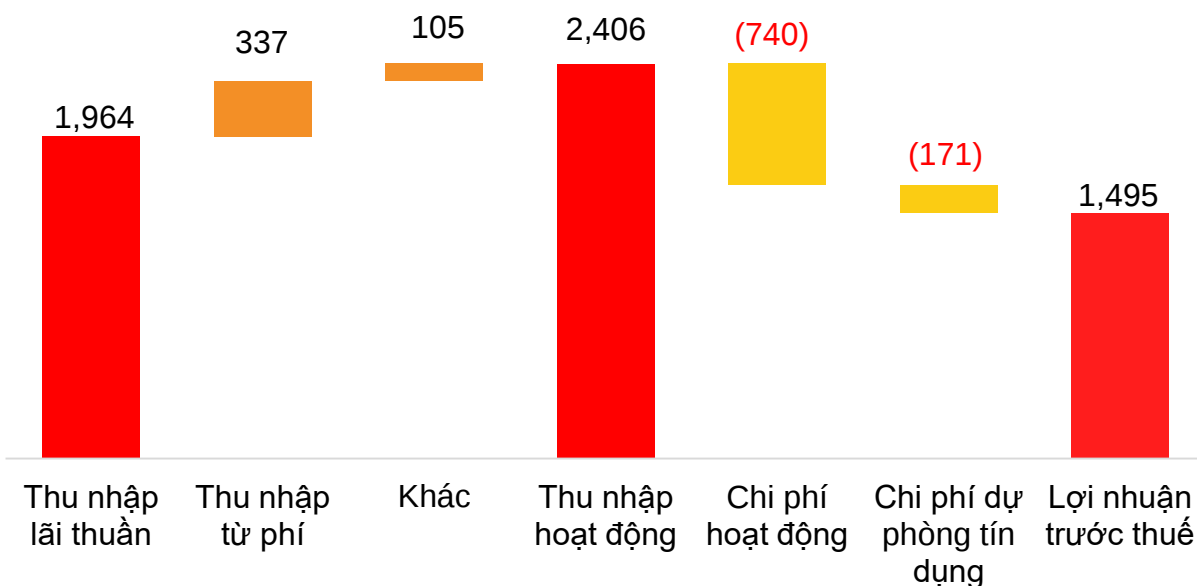


Tỷ trọng đóng góp CASA



TOI và lợi nhuận được thúc đẩy bởi hoạt động cho vay cốt lõi. Hiệu quả sinh lời duy trì ổn định

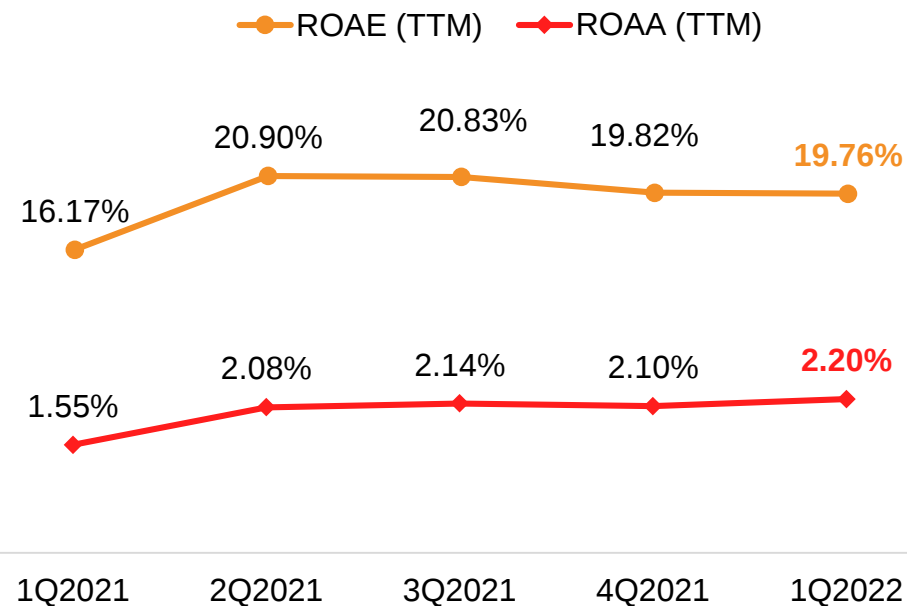
Lợi nhuận Quý 1/2022 (Tỷ đồng)



% YoY ▲ 38.3% ▲ 173.7% ▼ 79.8% ▲ 16.6% ▲ 3.9% ▼ 16.3% ▲ 30.3%

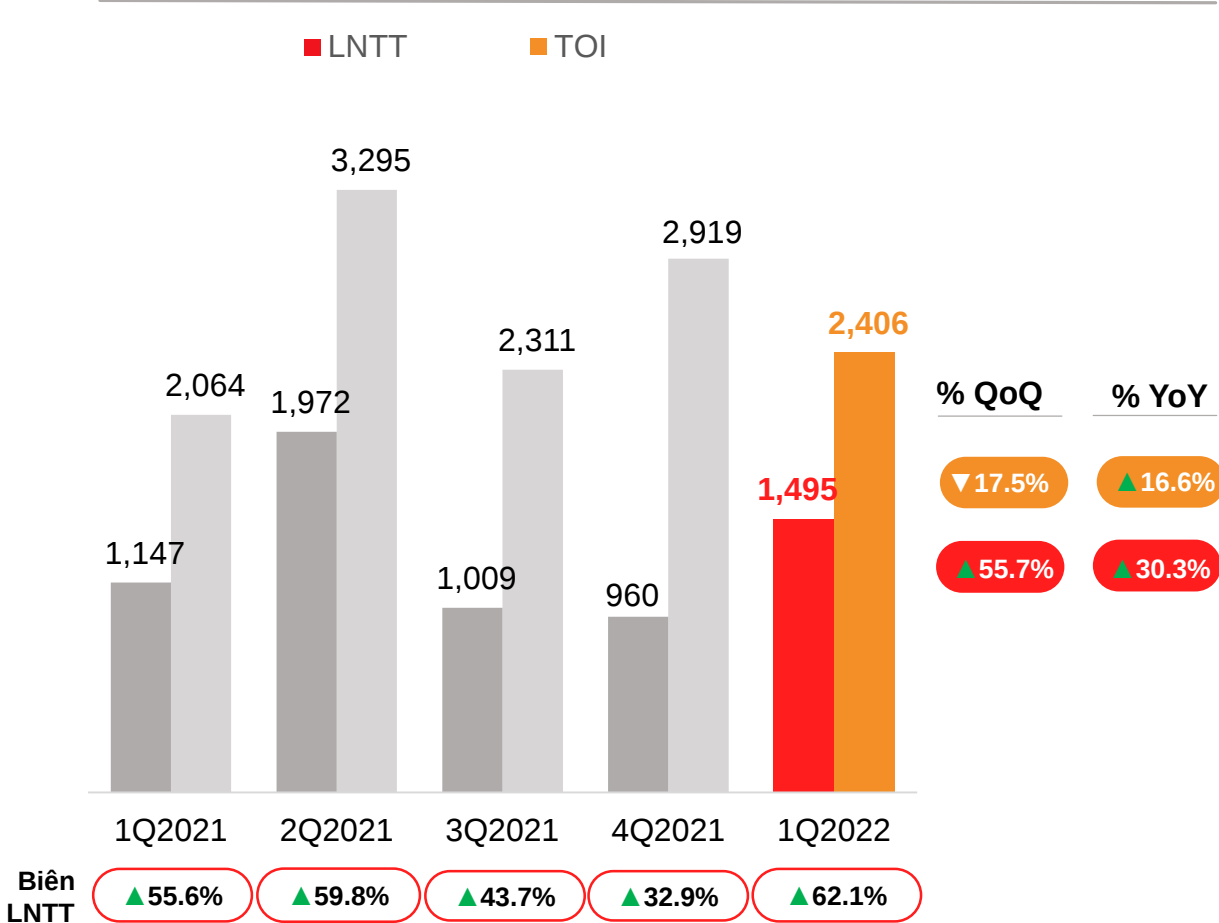
% QoQ ▲ 16% ▼ 20.8% ▼ 86.8% ▼ 17.6% ▲ 48% ▼ 68.1% ▲ 55.8%

Hiệu quả sinh lời

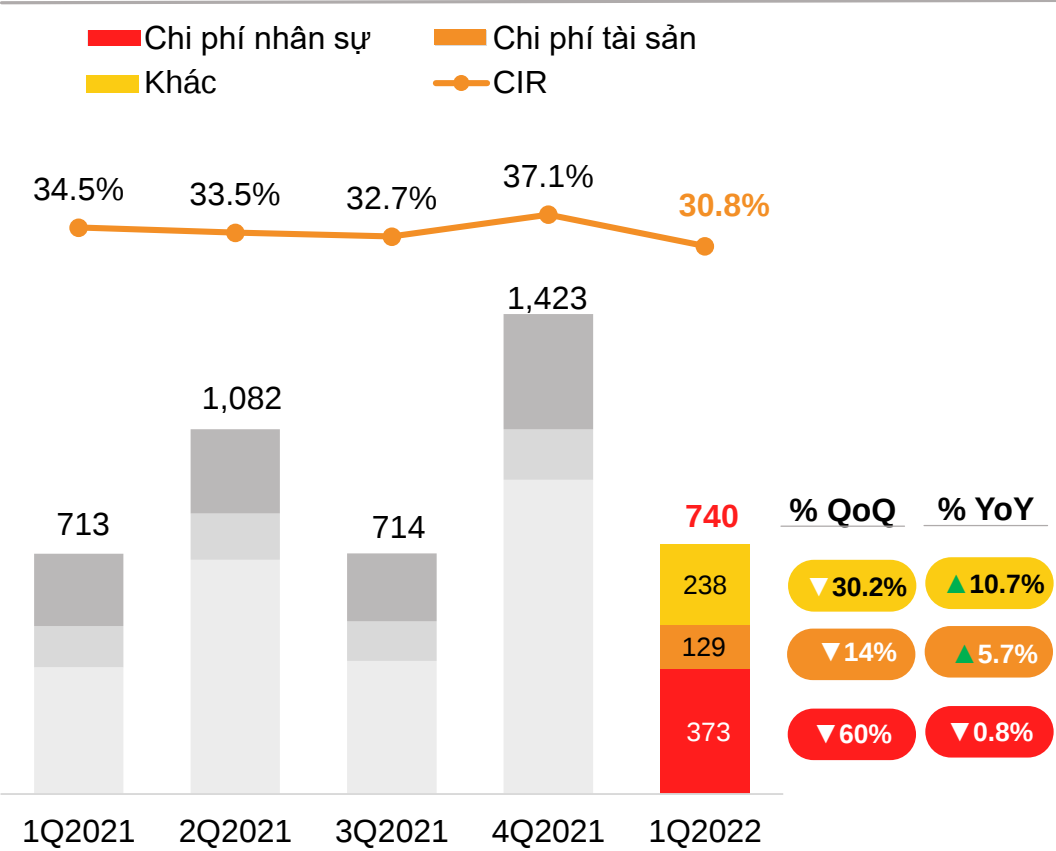


Kết quả kinh doanh khả quan khi nền kinh tế mở cửa trở lại. CIR được kiểm soát ở mức thấp nhất trong 5 quý gần nhất

Thu nhập hoạt động (TOI) & LN trước thuế (LNTT) (Tỷ đồng)

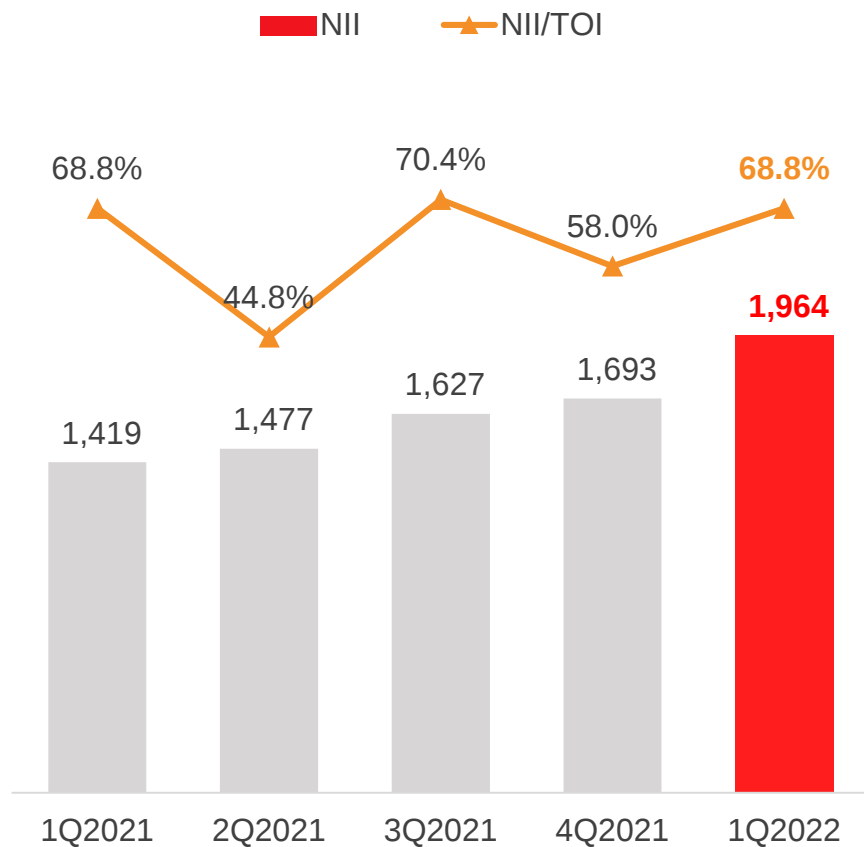


Chi phí hoạt động (OPEX) & CIR (Tỷ đồng)

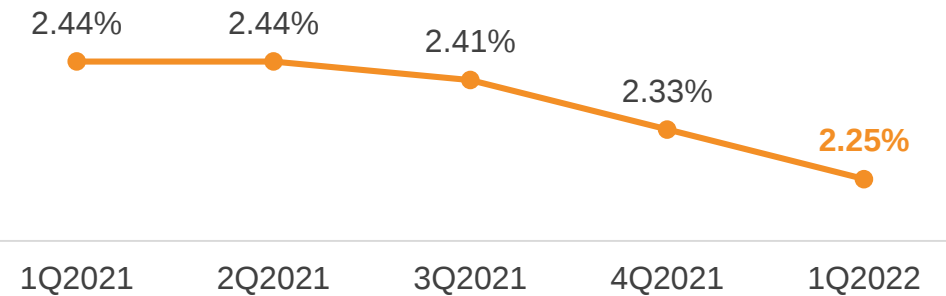


NII tăng 5 quý liên tiếp và đóng góp lớn vào TOI. Chi phí vốn thấp và cơ cấu nguồn vốn hiệu quả giúp cải thiện NIM và NII

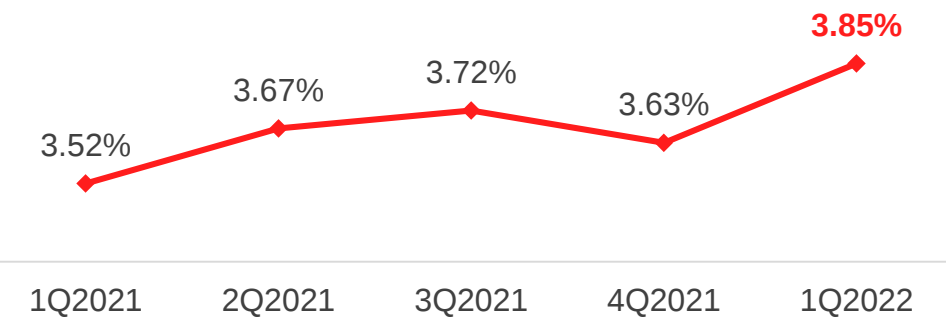
Thu nhập lãi thuần (NII) (Tỷ đồng)



Chi phí vốn



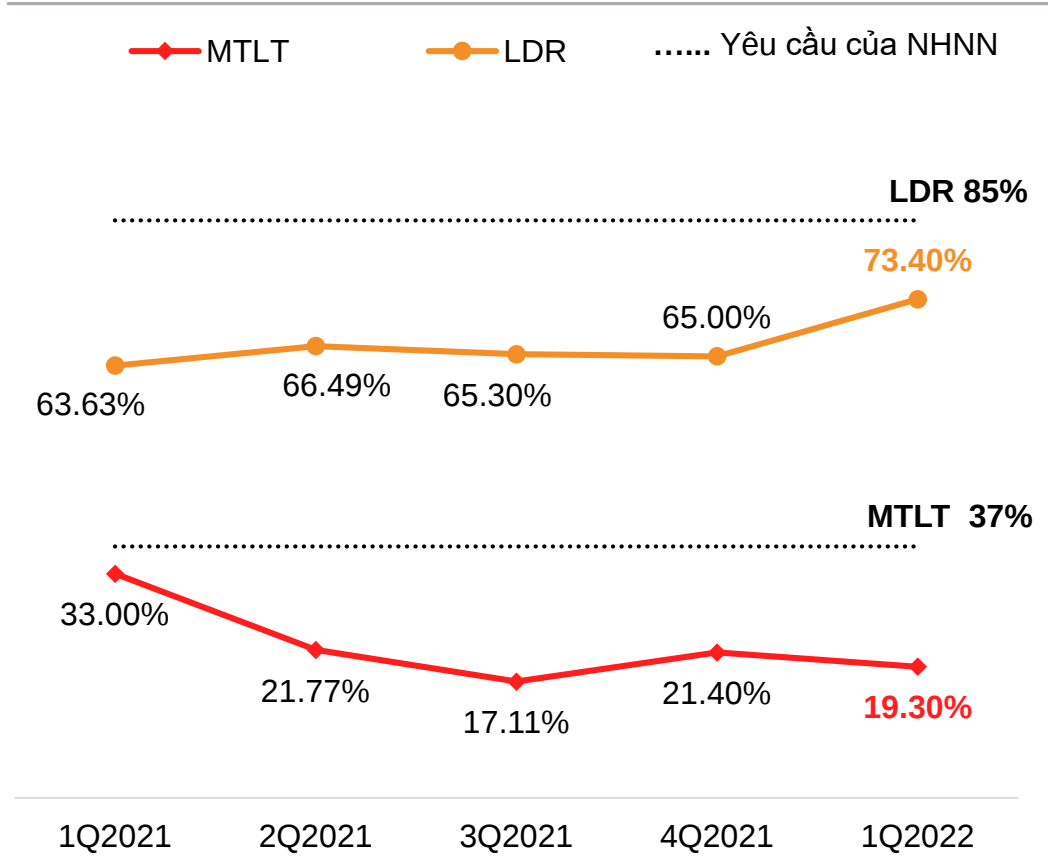
Biên lãi thuần (NIM)¹



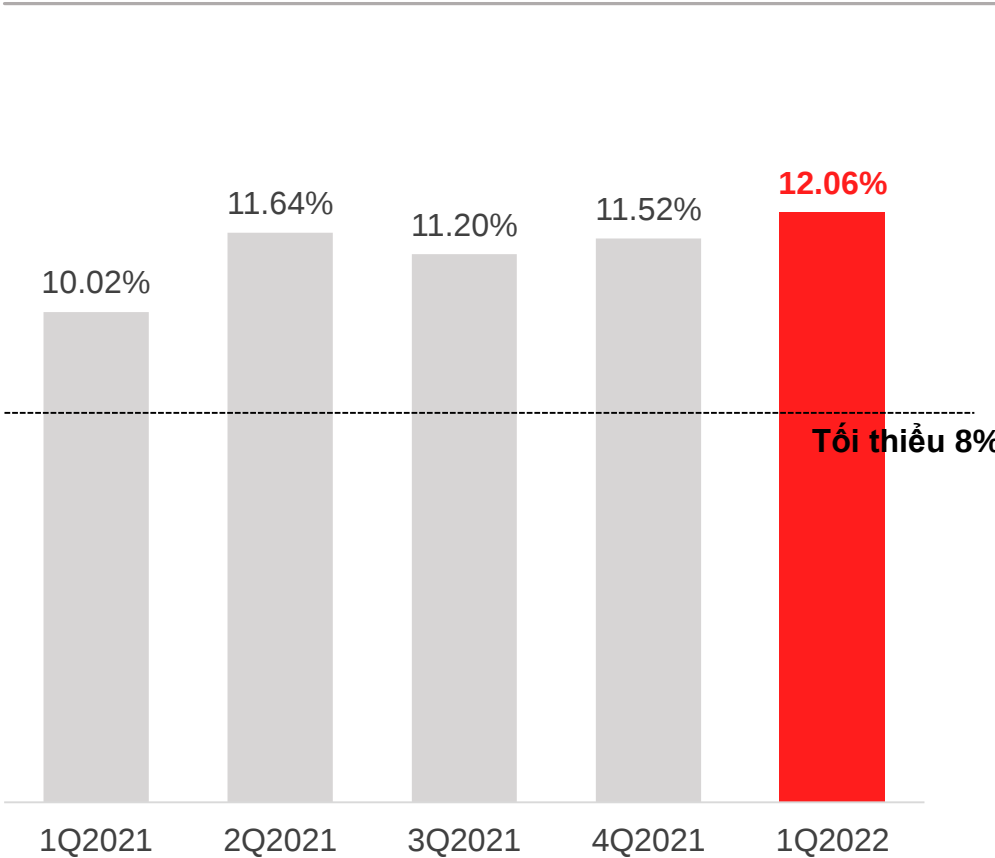
Ghi chú: 1: NIM 12 tháng gần nhất

Hệ số CAR vững chắc tạo dư địa tăng trưởng. Các chỉ số thanh khoản đảm bảo theo quy định.

LDR¹ và Vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (MTLT)



Hệ số an toàn vốn theo (CAR)²



Ghi chú: 1: LDR riêng lẻ, tính theo TT 02/2013/TT-NHNN
2. Năm 2017-2018: áp dụng theo TT 36/2014/TT-NHNN, từ năm 2019 áp dụng theo TT 41/2016/TT-NHNN.

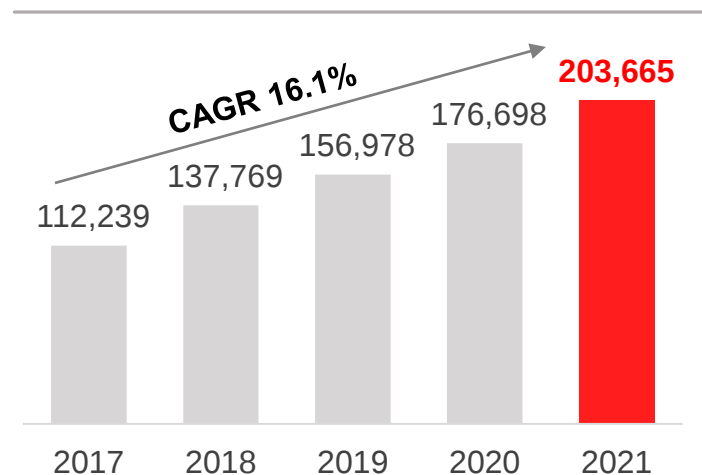
2 —————

KẾ HOẠCH NĂM 2022

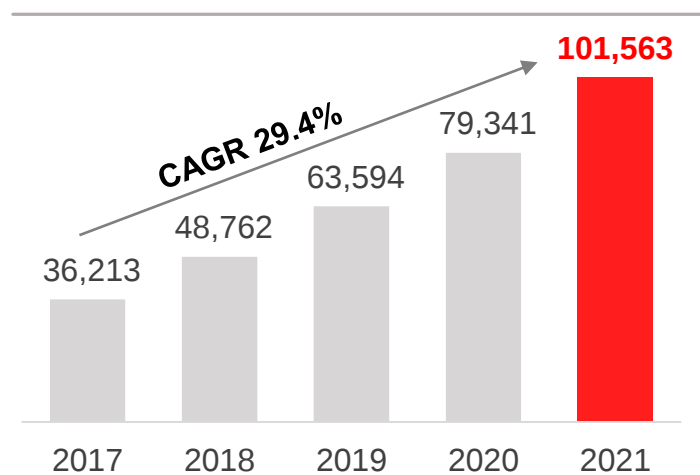


Nhìn lại chặng đường 2017-2021

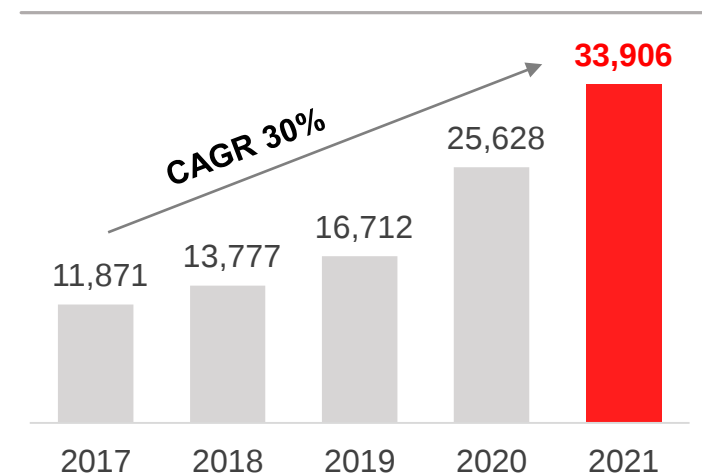
Tổng tài sản (Tỷ đồng)



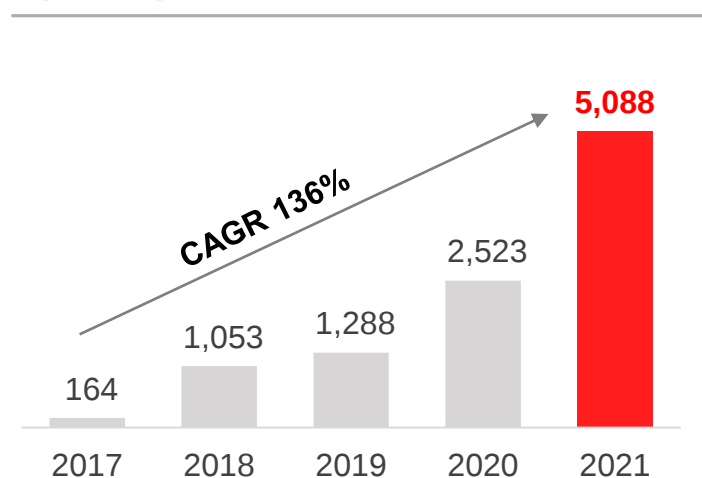
Cho vay khách hàng (Tỷ đồng)



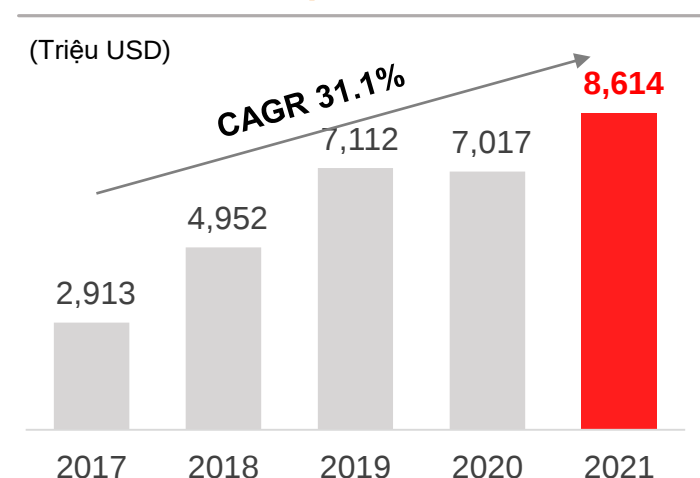
CASA (Tỷ đồng)



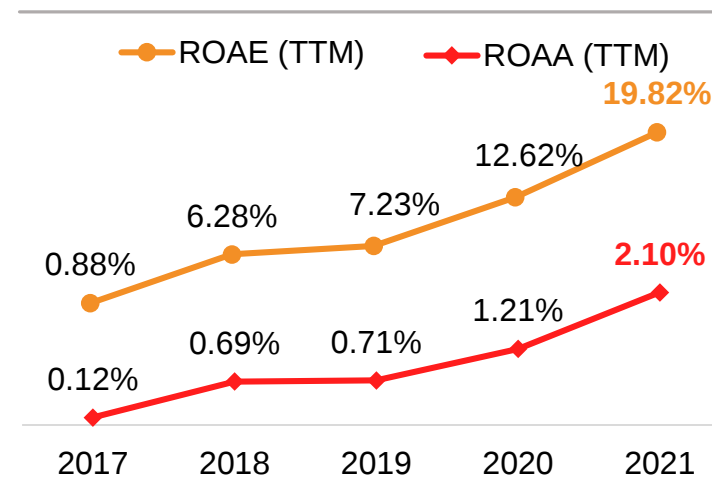
Lợi nhuận trước thuế (Tỷ đồng)



Doanh số giao dịch FX và phái sinh



Hiệu quả sinh lời



Kế hoạch năm 2022



Ghi chú: Kế hoạch đã được ĐHCĐ 2021 phê duyệt

1. Vốn huy động tại thị trường 1 và trái phiếu huy động vốn

2. Bao gồm dư nợ cho vay TCKT và cá nhân, đầu tư TPDN



THANK YOU!



Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam

CONTACT US

BỘ PHẬN QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Địa chỉ: Tầng 29, TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

Tel: (024) 3 771 89 89

Fax: (024) 3 771 88 99

Email: ir@msb.com.vn

